

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN 1

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000160 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12/04/2004, đăng ký thay đổi lần 5 số 0500447942 ngày 01/06/2012)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 96/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 12 năm 2015)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 - Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1

Địa chỉ : Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội
Điện thoại : 04. 33 838 181/33 839 550 Fax: 04. 33 838 405
Website : www.vinakip.vn, www.vinakip.com

2 - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Trụ sở : Tầng 2 – 71 Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – Hà Nội
Điện thoại : 04.3773 7070 Fax: 04.3773 9058
Website : www.fpts.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên : Hạ Thị Dung
Chức vụ : Kế toán trưởng Điện thoại: 04.33 839 091

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN 1

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000160 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12/04/2004, đăng ký thay đổi lần 5 số 0500447942 ngày 01/06/2012)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Khí Cụ Điện 1
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán	12.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng dự kiến chào bán	1.160.000 cổ phiếu
- Phát hành cho cổ đông hiện hữu	1.000.000 cổ phiếu
- Phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBNV (ESOP)	160.000 cổ phiếu
Tổng giá trị dự kiến chào bán (theo mệnh giá)	11.600.000.000 VNĐ

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN❖ **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC)**

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 844 38241990/1

Fax: 844 38253973

Email: aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT****Trụ sở chính**

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04.7737070/2717171

Fax: 04.7739058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.2852525

Fax: 08.9255246

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	Rủi ro kinh tế	5
2.	Rủi ro luật pháp	7
3.	Rủi ro đặc thù ngành	7
4.	Rủi ro của đợt chào bán cổ phiếu	8
5.	Rủi ro phaloăng cổ phiếu	8
6.	Rủi ro khác	10
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
	Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Khí Cụ Điện 1	11
	Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS)	11
III.	CÁC KHÁI NIỆM	12
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	15
3.	Cơ cấu quản lý Công ty	19
	Sơ đồ 2: Sơ đồ quản lý Công ty	19
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông	22
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký chào bán, những công ty mà tổ chức đăng ký chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký chào bán	24
6.	Quá trình tăng vốn	24
7.	Hoạt động kinh doanh	24
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất	38
9.	Vị thế Công ty trong ngành	39
10.	Chính sách với người lao động	41
11.	Chính sách cổ tức	42
12.	Tình hình tài chính	43
13.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	47
13.1.	Hội đồng quản trị	47
13.2.	Ban Tổng Giám đốc	55
13.3.	Ban kiểm soát	55
13.4.	Kế toán trưởng	60
14.	Tài sản	61
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015	63
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận cổ tức	64
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	64
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký chào bán	64
19.	Các thông tin, các tranh chấp liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	64
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	65
1.	Cổ phiếu chào bán ra công chúng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên	65

1.1.	Loại cổ phiếu.....	65
1.2.	Mệnh giá.....	65
1.3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	65
1.4.	Phương pháp tính giá.....	65
1.5.	Phương thức phân phối.....	66
1.6.	Thời gian phát hành cổ phiếu.....	67
1.7.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	67
2.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	67
3.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	67
4.	Các loại thuế có liên quan.....	68
5.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	68
VI.	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH.....	68
1.	Mục đích phát hành.....	68
2.	Phương án khả thi.....	68
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH.....	73
1.	Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành.....	73
2.	Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ vốn.....	73
3.	Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu không chào bán hết phát sinh từ việc phân phối cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và số cổ phiếu không chào bán hết cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động.....	74
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHÀO BÁN.....	75
IX.	PHỤ LỤC.....	76
1.	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	76
2.	Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.....	76
3.	Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014, Báo cáo tài chính quý II/2015.....	76
4.	Phụ lục V: Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS.....	76

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. *Rủi ro kinh tế*

Rủi ro kinh tế là những rủi ro về sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất... đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro này tác động đến tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế với những mức độ ảnh hưởng khác nhau.

- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế từ năm 2008, trong 3 năm (2011 ÷ 2013), nền kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục rơi vào cuộc khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu tiếp tục sa lầy mà lối thoát thì chưa thực sự rõ ràng. Kinh tế Mỹ, Nhật Bản đều không mấy khả quan. Các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil ... đều không còn giữ được phong độ tăng trưởng lạc quan.

Sang năm 2014, ngay từ đầu năm, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014. Nghị quyết số 01/NQ-CP xác định một số nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như: Tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất - kinh doanh; đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo đảm phúc lợi xã hội và an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân;... Tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 tiếp tục ổn định, tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2013, các lĩnh vực xã hội ổn định, đời sống người dân được đảm bảo, có phần được cải thiện. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013, mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013. Đây là dấu hiệu tích cực của nền kinh tế, cơ sở của tăng trưởng cao hơn cho năm 2015 và các năm tiếp. Trong mức tăng 5,98% của toàn nền kinh tế, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,49%, cao hơn mức 2,64% của năm 2013, đóng góp 0,61 điểm

phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn nhiều mức tăng 5,43% của năm trước, đóng góp 2,75 %; khu vực dịch vụ tăng 5,96%, đóng góp 2,62 %.

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam).

Kinh tế - xã hội nước ta 6 tháng đầu năm 2015 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục đà phục hồi nhưng chưa bền vững với tốc độ tăng trưởng giữa các khu vực ngày càng khác biệt, một phần do giá dầu và giá một số hàng hóa giảm tác động ở mức khác nhau đến từng khu vực. Kinh tế Mỹ - nền kinh tế lớn nhất tiếp tục tăng trưởng mạnh hơn nhờ nhu cầu thị trường nội địa tăng lên, đặc biệt là nhu cầu tiêu dùng. Hầu hết các nền kinh tế mới nổi được hưởng lợi từ giá dầu giảm, thanh khoản toàn cầu tăng và sự tăng tốc của nền kinh tế Mỹ và châu Âu. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2015 ước tính tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014, trong đó quý I tăng 6,08%; quý II tăng 6,44%.

Các chính sách ban hành trong năm 2014 và đầu năm 2015 đã phát huy tác dụng, tạo điều kiện cho khu vực doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Các ngành, lĩnh vực và các địa phương trên cả nước tận dụng cơ hội thuận lợi trong và ngoài nước, triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo, điều hành của Quốc hội và Chính phủ, trọng tâm là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015.

- **Lãi suất**

Với các doanh nghiệp, vốn vay là một phần quan trọng trong tổng nguồn vốn hoạt động. Do đó, chi phí sử dụng vốn cho các khoản vay ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Một sự thay đổi bất thường trong lãi suất có thể khiến chi phí doanh nghiệp nói chung và chi phí lãi vay nói riêng biến động.

Sau một thời gian liên tục điều chỉnh giảm, thời gian gần đây, lãi suất huy động ở một số ngân hàng bắt đầu tăng trở lại. Nhìn chung, các ngân hàng thương mại (NH TM) phần lớn tăng lãi suất huy động từ 0,1 - 0,5%/năm ở các kỳ hạn.

Trước việc các NHTM tăng lãi suất huy động, nhiều doanh nghiệp (DN) và khách hàng cá nhân lo ngại khi phải đối mặt với áp lực lãi suất cho vay cũng sẽ tăng theo, điều này cũng ảnh hưởng đến đà phục hồi của nền kinh tế cũng như ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. *Rủi ro luật pháp*

Là một công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra, Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và văn bản liên quan.

Bên cạnh đó, hệ thống luật pháp trong nước cũng chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện, việc thực chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là sự thay đổi các qui định, chính sách liên quan đến ngành điện như chính sách thuế đối với thiết bị điện nhập khẩu ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên liệu đầu vào; luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ còn thiếu chặt chẽ nên sản phẩm của Công ty có thể bị làm nhái trong khi các chế tài xử phạt còn nhẹ, quản lý thị trường quá mỏng gây khó khăn trong việc kiểm soát và xử lý.

3. *Rủi ro đặc thù ngành*

Là một ngành công nghiệp phụ trợ ngành điện, ngành cơ khí sản xuất thiết bị điện Việt Nam có đóng góp lớn cho sự phát triển chung sự phát triển công nghiệp nước nhà, trực tiếp mang lợi nhuận, góp phần làm tăng tốc độ phát triển GDP hàng năm. Tuy nhiên, các doanh nghiệp trong ngành đang chịu những rủi ro đặc thù như:

- ***Rủi ro về cạnh tranh:***

Gia nhập WTO mở ra cho các doanh nghiệp Việt Nam cơ hội đồng thời cũng mang lại không ít những thách thức, đặc biệt là sức ép cạnh tranh. Các doanh nghiệp trong ngành cơ khí sản xuất thiết bị điện phải chịu sự cạnh tranh gay gắt với nhau và đặc biệt là sự cạnh tranh của các mặt hàng cùng chủng loại có xuất xứ từ Trung Quốc và Nhật Bản.

Ngoài ra có những ràng buộc trong ngành liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật quy định cho việc sản xuất dây và cáp điện tiêu thụ tại Việt Nam, tiêu chuẩn kỹ thuật cần đáp ứng của các thiết bị điện.

- ***Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào***

Theo nhận định của Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần khí cụ điện 1, giá cả các loại nguyên đầu vào phục vụ sản xuất của doanh nghiệp trong ngành như đồng nguyên liệu, thép nguyên liệu và các vật liệu cách điện... phụ thuộc khá nhiều vào giá cả xăng dầu. Hiện nay, nền kinh tế thế giới còn nhiều bất động, các nước sản xuất dầu mỏ lớn trên thế giới có chính sách cắt giảm sản lượng nhằm đảm bảo lợi ích chung toàn khối do vậy giá cả xăng dầu luôn biến động. Chính lý do này dẫn tới giá cả nguyên liệu đầu vào của ngành không ổn định, gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện.

4. *Rủi ro của đợt chào bán cổ phiếu*

Đợt chào bán của Công ty được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế bán được thấp hơn khối lượng dự kiến chào bán trong thời hạn được cấp phép chào bán.

Trường hợp số vốn huy động được từ việc phát hành cho cổ đông hiện hữu không đủ so với dự kiến, Công ty sẽ sử dụng các hình thức huy động vốn khác (như vay thương mại...) để đảm bảo đáp ứng được nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh theo như kế hoạch đặt ra.

5. *Rủi ro pha loãng cổ phiếu*

Việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu. Ngoài ra, chỉ số Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) cũng sẽ giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc đầu tư vốn vào các dự án mới chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận.

Hiện tại, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 3.400.000 cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ phát hành thêm 1.160.000 cổ phần, bằng 34,1167% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh trong kỳ}}{\text{Số lượng cổ phần bình quân lưu hành trong kỳ}}$$

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty, EPS năm 2014 là 3.561 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm thay đổi số lượng cổ phần bình quân trong kỳ, dẫn đến sự pha loãng trong thu nhập từ cổ phiếu. Tuy nhiên, đợt phát hành thêm này của Công ty dự kiến sẽ hoàn thành vào 28/12/2015, vì vậy số vốn thu được không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, do đó không dẫn tới pha loãng thu nhập trên cổ phiếu do hoạt động phát hành thêm cổ phiếu.

- Giá trị sổ sách mỗi cổ phần

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đã lưu hành – Cổ phiếu quỹ}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (31/12/2014)} = \frac{73.433.850.474}{3.400.000} = 21.598 \text{ đồng/CP}$$

Việc phát hành thêm một khối lượng cổ phiếu lớn này sẽ dẫn đến việc điều chỉnh giảm giá cổ phiếu do tác động pha loãng. Nhà đầu tư có thể tham khảo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I} = \frac{21.598 + (12.000 \times 34,1176\%)}{1 + 34,1176\%} = 19.156 \text{ VND}$$

Trong đó:

P : Giá thị trường của cổ phiếu sau khi pha loãng

Pt-1: Giá thị trường dự kiến của cổ phiếu trước khi pha loãng (giả định)

I1 : Tỷ lệ tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (2,5%)

I2 : Tỷ lệ tăng vốn từ phát hành cho cổ đông hiện hữu (7,6243%)

PR: Giá cổ phiếu bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

Tuy nhiên, rủi ro pha loãng sẽ giảm đi nếu Công ty sử dụng số tiền huy động được từ đợt chào bán một cách hiệu quả nhất.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Khí Cụ Điện 1

Ông Phùng Đệ
đốc

Chức vụ: Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám

Bà Hạ Thị Dung

Chức vụ: Kế toán Trưởng

Bà Trương Thị Thu Cúc

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS)

Đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Điệp Tùng

Chức vụ:

Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCK	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty	: Công ty Cổ phần Khí Cụ Điện 1
DHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
BGD	: Ban giám đốc
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Điều lệ Công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Khí Cụ Điện 1
Tổ chức chào bán	: Công ty Cổ phần Khí Cụ Điện 1

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung về Công ty cổ phần Khí Cụ Điện 1

Tên công ty	Công ty cổ phần Khí Cụ Điện 1
Tên tiếng Anh	Electrical Devices Joint Stock Company No 1
Biểu tượng	
Người đại diện	Ông Phùng Đệ Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Trụ sở	Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội
Điện thoại	04. 33 838 181/ 33 839 550
Fax	04. 33 838 405
Website	www.vinakip.vn , www.vinakip.com
Email	info@vinakip.vn
Vốn điều lệ	34.000.000.000 đồng

1.2. Quá trình hình thành phát triển

- Công ty cổ phần Khí Cụ Điện 1 là thành viên thuộc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam - Bộ Công thương được thành lập ngày 11/01/1967 theo Quyết định số 40/BCN-Kb2 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.
- Ngày 31/12/2003, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty Khí cụ điện 1 thành Công ty cổ phần Khí cụ điện 1.
- Với tên gọi ban đầu là Nhà máy sản xuất đồ điện, Công ty đã trải qua 3 lần đổi tên thành Nhà máy Chế tạo Khí cụ điện 1 (1968), Công ty Khí cụ điện 1 (1995), và tháng 5/2004 là Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000160 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Tây cấp ngày 12/04/2004.

Nghành nghề kinh doanh của Công ty:

- ❖ Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp.
- ❖ Lắp đặt các thiết bị đường dây điện đến 35KV.
- ❖ Thi công xây lắp cơ sở hạ tầng.
- ❖ Xuất nhập khẩu vật liệu điện và thiết bị điện.
- ❖ Kinh doanh các loại vật tư, vật liệu điện và thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty.

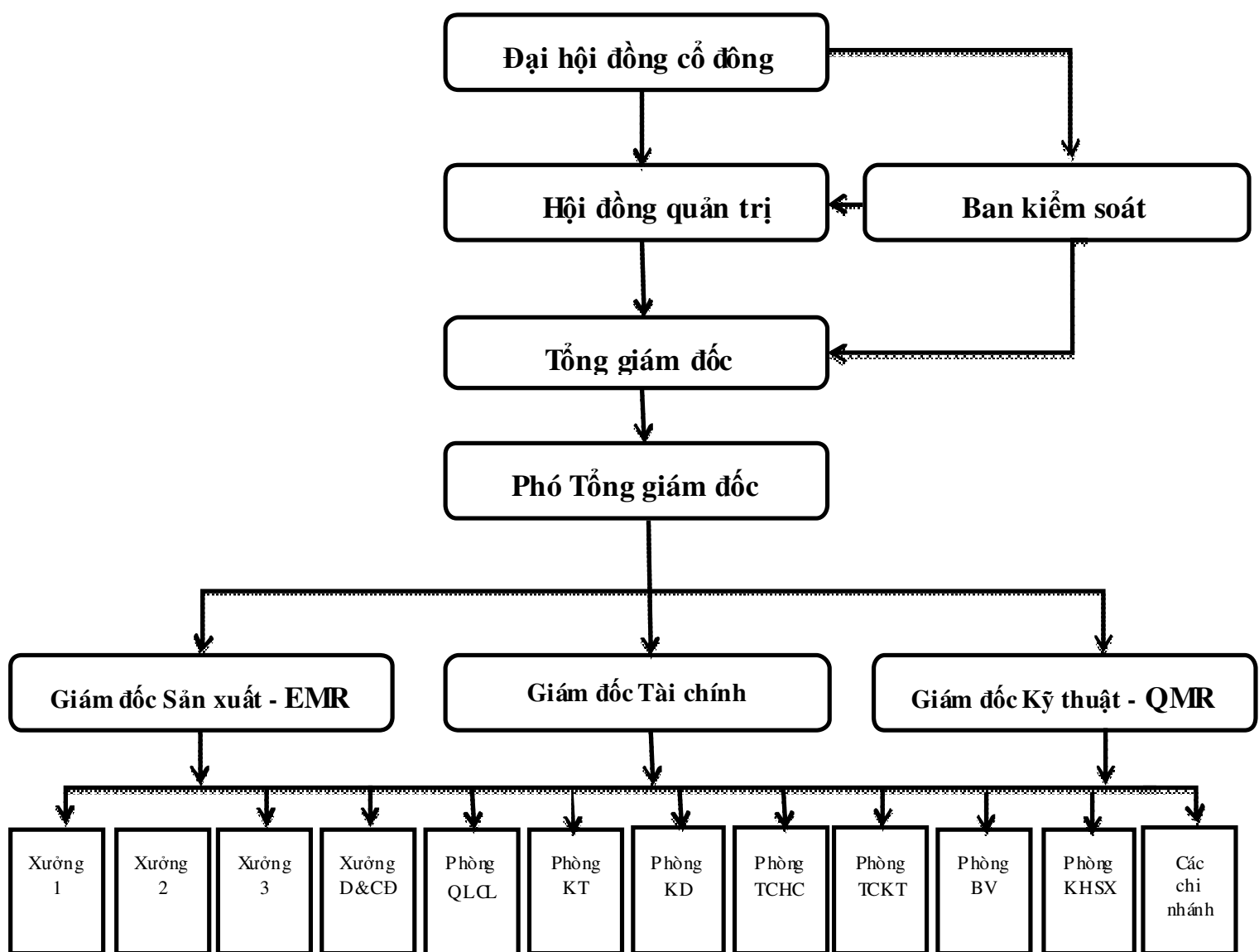
Bảng 1- Những thành tích Công ty đạt được

Năm	Thành tích Công ty đạt được
1978	Huân chương lao động hạng 3
1996	Huân chương lao động hạng nhì
2006	Huân chương lao động hạng nhất
2010	Huân chương độc lập hạng Ba
2009	Cờ thi đua của Chính phủ
1997, 1999, 2000, 2003, 2005, 2008, 2011, 2013, 2014	Cờ thi đua của Bộ Công thương
2002, 2004, 2006	Bằng khen của Bộ Công thương
2008, 2009	Bằng khen của Bộ Tài nguyên môi trường
2008	Chứng nhận Thương hiệu mạnh Việt Nam
2009	Chứng nhận: Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam
2013	Chứng nhận: Sản phẩm thiết bị điện VINAKIP đạt top 50 sản phẩm vàng Việt Nam
2014	Chứng nhận: Top 100 doanh nghiệp Việt Nam đạt chỉ số tốt nhất năng lực hoạt động
2015	Chứng nhận: Top 100 Nhân hiệu nổi tiếng cạnh tranh

Ngoài ra sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng và các tổ chức đánh giá cao qua các danh hiệu đạt được như: “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do người tiêu dùng bình chọn trong nhiều năm, giải thưởng “Chất lượng Việt Nam” của Bộ Khoa học và Công nghệ, Giải thưởng “Sao vàng đất Việt 2005” của Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam, giải thưởng “Thương hiệu Việt 2005”, chứng nhận “Nhãn hiệu KIP cạnh tranh - nổi tiếng Quốc gia 2006” do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam - Cục sở hữu trí tuệ cấp.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức Công ty



Chức năng của các phòng, ban:***Phòng Tổ chức hành chính***

- Chủ động đề xuất các mục tiêu, chính sách và chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
- Lập kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện các khoá đào tạo trong Công ty.
- Lập kế hoạch đơn giá tiền lương, kiểm soát việc thực hiện quỹ lương theo quy định.
- Chỉ đạo việc tính tiền lương đối với bộ phận hưởng lương thời gian, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác đối với người lao động theo quy định của Công ty.
- Chỉ đạo việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động theo quy định.
- Quản lý nguồn nhân lực của Công ty. Tham mưu cho Tổng giám đốc về tổ chức bộ máy và việc sử dụng nguồn nhân lực trong Công ty.
- Quản lý công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động
- Quản lý công tác văn thư - lưu trữ.
- Quản lý đất đai nhà cửa của Công ty.
- Quản lý, chăm lo sức khoẻ CBCNV.
- Quản lý điều hành xe ô tô con.
- Quản lý thiết bị văn phòng thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.
- Quản lý hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO TCVN 14001:2010:
- Tổ chức thực hiện các hoạt động khác liên quan đến QLMT thuộc phạm vi chức năng của đơn vị.

Phòng tài chính kế toán:

- Thực hiện nhiệm vụ về tài chính, kế toán được quy định trong Điều lệ, quy chế tài chính của Công ty, các quy định của pháp luật.
- Giúp Tổng giám đốc xây dựng chiến lược về huy động vốn để phục vụ mục tiêu của Công ty.
- Trực tiếp chỉ đạo các mặt công tác sau:
 - + Xây dựng kế hoạch tài chính, tổ chức thực hiện và kiểm soát các hoạt động tài chính trong toàn Công ty. Báo cáo tài chính theo quy định của Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty.
 - + Quản lý nguồn vốn. Đề xuất các biện pháp sử dụng nguồn vốn có hiệu quả. Xây dựng các phương án huy động vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Xây dựng biện pháp bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty.
 - + Chịu trách nhiệm về công tác kế toán tài chính, thống kê trong Công ty theo Hệ thống quản lý Nhà nước.
 - + Chỉ đạo công tác theo dõi nhập và xuất kho hàng hoá, bán thành phẩm và vật tư của Công ty.

- + Tổ chức triển khai công tác kiểm kê hằng năm, nhượng bán - thanh lý tài sản; dự toán, quyết toán các đề tài KHCN hằng năm.
- + Phân tích hiệu quả tài chính tháng, quý, năm.
- + Chỉ đạo công tác thu hồi công nợ.
- + Chỉ đạo trực tiếp phòng TCKT thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến hệ thống quản lý môi trường thuộc phạm vi chức năng của đơn vị.

Phòng Kế hoạch sản xuất:

- Chủ động đề xuất các mục tiêu, chính sách và chiến lược tổ chức sản xuất hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác sản xuất và toàn bộ các hoạt động liên quan đến công tác sản xuất, trừ công tác phê duyệt định mức lao động, phê duyệt thanh quyết toán vật tư thuộc quyền hạn của Tổng giám đốc.
- Lập và phê duyệt kế hoạch sản xuất, kế hoạch sản xuất điều chỉnh và lệnh sản xuất.
- Chỉ đạo trực tiếp và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các xưởng sản xuất.
- Tổ chức hệ thống điều độ sản xuất theo trực tuyến từ phòng đến các xưởng trong Công ty. Làm trung gian giải quyết các thông tin vướng mắc trong sản xuất, đảm bảo thông tin được thông suốt và được kiểm soát. Điều phối, giám sát mỗi các đơn vị có liên quan thực hiện sản xuất theo kế hoạch.
- Tổng hợp kết quả sản xuất tuần, tháng; phân tích đánh giá kết quả sản xuất theo tiến độ để báo cáo trong các cuộc họp giao ban.
- Theo dõi và đôn đốc thực hiện các thông báo chế thử sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến.
- Chế biến, cung cấp phôi băng cho các đơn vị sản xuất.
- Quản lý kho bán thành phẩm toàn Công ty.
- Quản lý kho khuôn, kho dao cụ trong Công ty.
- Quản lý kho vật tư nhựa.
- Tổ chức cấp phát và quyết toán vật tư. Phân tích hiệu quả sử dụng vật tư.
- Tổ chức vận chuyển, bốc xếp vật tư - BTP, thành phẩm trong Công ty.
- Tổ chức thực hiện việc lập định mức lao động.
- Phân tích hiệu quả sử dụng nguồn lực của Công ty trong tháng, quý, năm.
- Lập báo cáo thống kê kết quả sản xuất kinh doanh theo quy định.

Phòng quản lý chất lượng

- Chủ động đề xuất các mục tiêu, chính sách và chiến lược quản lý chất lượng.
- Xây dựng hướng dẫn kiểm tra sản phẩm.
- Thực hiện kiểm soát chất lượng vật tư, dụng cụ, thiết bị và BTP đầu vào, BTP sản xuất trong quá trình và sản phẩm xuất xưởng. Phát hiện, phân tích sản phẩm không phù hợp, đưa ra biện pháp khắc phục phòng ngừa. Đánh giá độ ổn định và đặc tính của sản phẩm.

- Kiểm tra, phân tích các sản phẩm bảo hành và các vấn đề khiếu nại của khách hàng về hàn g hoá của Công ty sản xuất.
- Quản lý thiết bị kiểm tra đo lường và thử nghiệm.
- Quản lý hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008:
- Tổ chức thực hiện các hoạt động khác liên quan đến hệ thống quản lý môi trường thuộc phạm vi chức năng của đơn vị.

Phòng KT

- Chủ động đề xuất các mục tiêu, chính sách và chiến lược phát triển sản phẩm và đầu tư thiết bị công nghệ.
- Nghiên cứu và thiết kế sản phẩm, thiết kế công nghệ cho các sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường
- Giải quyết các cải tiến về công tác thiết kế trong quá trình tổ chức sản xuất.
- Lập kế hoạch và theo dõi việc thực hiện sản phẩm chế thử để xem xét đầu ra của thiết kế và kiểm soát được thay đổi thiết kế.
- Tìm các đối tác để hợp tác hoặc liên doanh sản xuất sản phẩm khi Công ty có nhu cầu.
- Phối hợp với phòng QLCL xử lý các sản phẩm không phù hợp.
- Lập định mức vật tư kỹ thuật.
- Thực hiện việc thiết kế công nghệ cho các sản phẩm.
- Lập quy trình công nghệ cho các sản phẩm. Theo dõi công nghệ, giải quyết các phát sinh về công nghệ trong quá trình sản xuất.
- Nghiên cứu cải tiến phương pháp công nghệ để nâng cao năng suất lao động, ổn định chất lượng sản phẩm và tiết kiệm vật tư.
- Khảo sát công nghệ, đưa ra phương án công nghệ mới.
- Quản lý và lưu trữ các tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Quản lý và cấp phát bản vẽ thiết kế và bản vẽ công nghệ.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến hệ thống quản lý môi trường thuộc phạm vi chức năng của đơn vị.

Phòng kinh doanh

- Chủ động đề xuất các mục tiêu, chính sách và chiến lược thị trường
- Trực tiếp chỉ đạo và thực hiện hoạt động mở rộng thị trường
- Phát triển, xây dựng đối tác chiến lược.
- Liên kết, quản lý hệ thống các kênh phân phối nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, duy trì và phát triển thương hiệu.
- Sửa đổi, bổ sung giá thành sản phẩm VINAKIP, quản lý giá bán sản phẩm.
- Phát triển đối tác cung cấp vật tư, tổ chức thực hiện cung ứng các loại vật tư, bán thành phẩm mua ngoài, đáp ứng yêu cầu sản xuất.
- Quản lý kho thành phẩm và kho vật tư đầu vào.

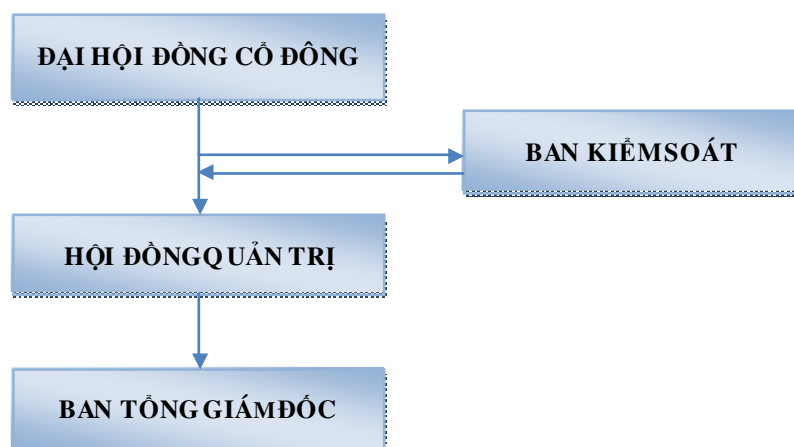
- Tổ chức thực hiện vận chuyển hàng hoá, vật tư theo quy định của Công ty.
- Quản lý hoạt động của các Chi nhánh, các Nhà phân phối và đại lý.
- Tổ chức thực hiện thu hồi công nợ.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến hệ thống quản lý môi trường thuộc phạm vi chức năng của đơn vị.

Phòng Bảo vệ

- Quản lý, bảo vệ tài sản của Công ty trong và ngoài giờ làm việc
- Đề xuất các biện pháp và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong Công ty và khu vực.
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch, phương án, biện pháp bảo vệ phòng chống cháy nổ trong Công ty. Thường trực công tác phòng chống bão lụt, phòng chống cháy nổ.
- Tham mưu tổ chức thực hiện huấn luyện quân sự cho dân quân tự vệ và thường trực sẵn sàng chiến đấu khi có yêu cầu của cơ quan quản lý.
- Kiểm soát chấp hành kỷ luật lao động, nội quy của Công ty, xử lý những việc cấp bách theo chức năng được giao, kịp thời báo cáo Tổng giám đốc và cơ quan công an để giải quyết.
- Quản lý và tổ chức thực hiện công tác xây dựng cơ bản trong Công ty.
- Tổ chức thực hiện việc vận hành thiết bị lọc nước tinh khiết và cung cấp nước lọc tinh khiết đến các đơn vị, bộ phận trong Công ty.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến hệ thống quản lý môi trường thuộc phạm vi chức năng của đơn vị.

3. *Cơ cấu quản lý Công ty*

Sơ đồ 2: Sơ đồ quản lý Công ty



3.1. *Đại hội đồng cổ đông*

Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, ĐHCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phiếu đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

ĐHCĐ thường niên được tổ chức một năm một lần trong thời hạn 04 (bốn tháng), kể từ ngày kết thúc năm tài chính, do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập.

3.2. Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phùng Đệ	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên HĐQT
3	Ông Lê Xuân Thành	Ủy viên HĐQT
4	Ông Tạ Trung Hiếu	Ủy viên HĐQT

5 Ông Hoàng Đình Phẩm

Ủy viên HĐQT

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm tối thiểu là 03 người, và tối đa là 05 người. Người trong BKS có ít nhất là 1 người có chuyên môn về tài chính kế toán, thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm, thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. BKS bầu 1 người làm Trưởng ban, Trưởng BKS phải là cổ đông hoặc là người đại diện của cổ đông.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Trương Thị Thu Cúc	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Bà Hoàng Thị Thanh	Thành viên Ban Kiểm Soát
3	Bà Bùi Thị My	Thành viên Ban Kiểm Soát

3.4. Ban Tổng giám đốc

Công ty hiện nay có một Tổng Giám đốc và một Phó Tổng Giám Đốc. Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phùng Đệ	Tổng Giám Đốc
2	Ông Lê Xuân Thành	Phó Tổng Giám Đốc

3.5. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty.

Bà: **HẠ THỊ DUNG** : Kế Toán Trưởng

4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông

Bảng 2 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ và người có liên quan, số cổ phần nắm giữ của người có liên quan tại tổ chức phát hành tại thời điểm 30/09/2015

TT	Tên Cổ đông/ Người có liên quan	Địa chỉ Cổ đông/Chức vụ người có liên quan	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
	Tổng Công ty Cơ phần Thiết bị điện Việt Nam	Số 52, Lê Đại Hành, Hai Bà Trung, Hà Nội	1.735.040	17.350.400.000	51,03
2	Phùng Đệ	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc VINAKIP	27.920	279.200.000	0,82
3	Lê Xuân Thành	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc VINAKIP	64.420	644.200.000	1,89
4	Tạ Trung Hiếu	Thành viên HĐQT VINAKIP	2.880	28.800.000	0,084
5	Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT VINAKIP	0	0	0

(Nguồn: Công ty cổ phần Khí cụ điện 1)

Bảng 3 - Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 30/09/2015

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
-----	---------	---------------------	------------------	--------------

1	Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	1.735.040	17.350.400.000	51,03
	Được đại diện bởi:			
	Phùng Đệ	647.040	6.470.400.000	19,03
	Lê Xuân Thành	340.000	3.400.000.000	10,00
	Tạ Trung Hiếu	340.000	3.400.000.000	10,00
	Hoàng Anh Dũng	408.000	4.008.000.000	12,00
2	Cổ đông sáng lập là cá nhân	1.664.960	16.649.600.000	48,97
	Tổng	3.400.000	34.000.000.000	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Khí cụ điện 1)

Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, số lượng cổ phần sở hữu của các cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty vào ngày 5/2004 bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 3 năm kể từ ngày đăng ký kinh doanh. Số lượng cổ phần tăng thêm của cổ đông sáng lập trong các đợt phát hành sau ngày đăng ký kinh doanh lần đầu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Bảng 4- Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/09/2015

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	1.735.040	17.350.400.000	51,03
2	Cổ đông cá nhân	1.664.960	16.649.600.000	48,97
	Tổng	3.400.000	34.000.000.000	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Khí cụ điện 1)

5. *Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký chào bán, những công ty mà tổ chức đăng ký chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký chào bán*

Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 với số vốn góp là 51,03%.

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

6. *Quá trình tăng vốn*

Bảng 5- Quá trình tăng vốn của Công ty

Thời điểm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng thêm	Hình thức tăng	Căn cứ
Năm 2007	24.000.000.000	13.000.000.000	Góp vốn từ các cổ đông hiện hữu và CBCNV trong côngty	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000160, cấp thay đổi lần hai ngày 04/9/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây
Năm 2009	34.000.000.000	10.000.000.000	Góp vốn từ các cổ đông hiện hữu và CBCNV trong côngty	Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 430/GCN-UBCK ngày 30/9/2009 của UBCKNN

7. *Hoạt động kinh doanh*

a) Sản phẩm

Với tiêu chí “*Cung cấp sản phẩm và dịch vụ có chất lượng phù hợp với các yêu cầu mong đợi của khách hàng với giá cả hợp lý*”, Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 luôn cố gắng nỗ lực để thiết bị điện mang thương hiệu VINAKIP có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tương đương tiêu chuẩn Quốc tế, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Hiện nay, Công ty đang cung cấp các dòng sản phẩm chính là Sản phẩm dân dụng, hàng công nghiệp, dây và cáp điện:

✚ Sản phẩm dân dụng bao gồm:

- Nhóm sản phẩm công tắc, ổ cắm và bảng điện
- Nhóm sản phẩm áp tô mát 1 pha 1 cực và 1 pha 2 cực, cầu dao 1 pha 2 cực và 3 pha từ 15A đến 150A.
- Nhóm sản phẩm biến đổi năng lượng điện

✚ Hàng công nghiệp bao gồm:

- Nhóm sản phẩm cầu dao hộp và cầu dao hộp đảo chiều từ 100A đến 3000A/660V
- Nhóm sản phẩm Cầu dao cách ly cho mạng điện trung áp từ 12 kV đến 35 kV
- Nhóm sản phẩm áp tô mát 3 pha và khởi động từ

✚ Hàng dây và cáp điện, gồm dây đơn cứng 1 sợi có tiết diện đến 6mm², dây ovan đôi mềm, dây đơn mềm nhiều sợi có tiết diện đến 6mm², dây 3 ruột mềm có tiết diện đến 6mm², cáp điện lực hạ thế,

Hiện tại, các nhóm sản phẩm chủ yếu của Công ty được tiêu thụ ở thị trường trong nước với hệ thống chi nhánh và nhà cung cấp rộng khắp.

Bảng 6- Tỷ trọng sản phẩm qua các năm trên tổng doanh thu

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nhóm sản phẩm	Năm 2013		Năm 2014		30/09/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
			%DTT		%DTT		%DTT
1	Áp tô mát	7.702	3,16	10.506	3,96	7.594	3,34
2	Cầu dao điện	69.755	28,60	77.813	29,33	68.880	30,33
3	Công tắc, ổ cắm	104.838	42,98	120.097	45,27	106.689	46,98
4	Bảng điện	24.271	9,95	25.184,84	9,49	19.873	8,75
5	Dây điện	37.364	15,32	31.680	11,94	24.066,43	10,60
Tổng		243.930	100	265.280,84	100	227.102,43	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Khí cụ điện 1)

Bảng 7- Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các giai đoạn

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nhóm sản phẩm	Năm 2013		Năm 2014		30/9/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
			%LNG		%LNG		%LNG
1	Áp tô mát	800	3,38	1.019	4,32	798	4
2	Cầu dao điện	7.582	31,99	7.314	31,04	6.183	31
3	Công tắc, ổ cắm	10.740	45,31	11.013	46,73	9.455	47,41
4	Bảng điện	2.338	9,86	2.002	8,50	1.514	7,59
5	Dây điện	2.242	9,46	2.218	9,41	1.994	10
Tổng		23.702	100	23.566	100	19.944	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Khí cụ Điện 1)

- Nguồn nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu đầu vào chính dùng cho sản xuất các loại sản phẩm của Công ty bao gồm thép, đồng, nhựa cách điện, sứ cách điện, bimetal...

Bên cạnh các vật liệu chính để chế tạo, sản xuất sản phẩm còn có: vật liệu cách điện và các phụ kiện, phụ liệu khác.

Các nguyên liệu này được mua từ các nhà cung cấp trong nước, phần lớn các nhà cung cấp này đều có quan hệ hợp tác lâu dài với Công ty.

Bảng 8- Danh sách hợp đồng của nhà cung cấp lớn*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Số Hợp đồng	Tên Nhà cung cấp	Tên hàng - Số lượng	Đơn giá (Triệu đồng)	Thành tiền
1	HĐ số : 05/01/2015	Công ty cổ phần Thành An	Nhựa Phenolic: 36 Tấn	32	1.152
2	HĐ số 11.3/TLP-VNK/2015 ngày 11/3/2015	Công ty CP Thương mại Trường Lộc Phát	Đồng thanh cái: 5,4 tấn	154	831,6
3	HĐ số 1531/BT-VINAKIP ngày 02/4/2015	Công ty TNHH Kỹ thuật BENTA	Hỗn hợp thủy tinh có gia cường: 6 tấn	32,895	197,4
4	HĐ số 31/2015 ngày 03/4/2015	Công ty CP ORISTAR	Đồng hợp kim: 20 Tấn	131	2.620
5	HĐ số: 044/2015/KN-VK ngày 08/7/2015	Công ty CP Quốc tế Kim Nguyên	Đồng cuộn hợp kim (C2680-H): 12 tấn	132	1.584
6	HĐ số 232-25/7/2015	Công ty CP Công thương Đông Phương	Đồng: 20 Tấn	125	2.500
7	HĐ số: 15 SODO 04821 ngày 01/9/2015	Công ty ThyssenKrupp Materials Việt Nam	- Đồng vàng cuộn (C2680-H): 17 tấn	124,5	2.116,5
			- Đồng vàng tấm (C2680-1/2H): 7 tấn	116	812
			- Đồng đỏ tấm (C1100-1/2H): 20 tấn	147	2.940

			- Đồng vàng cuộn (C2680-H): 8 tấn	121,5	972
			Cộng:		6.840,5

(Nguồn: Công ty cổ phần Khí cụ Điện 1)

- Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu:**

Với lợi thế là khách hàng có quan hệ truyền thống lâu dài với các nhà cung cấp, mặt khác các nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty đều là những công ty có năng lực và uy tín trên thị trường do đó việc cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất luôn đảm bảo kịp tiến độ sản xuất. Ngoài ra nhằm giảm rủi ro từ phía nhà cung cấp, Công ty luôn có chính sách chủ động tìm kiếm nhà cung cấp mới dựa trên tiêu chí giá cả và chất lượng cạnh tranh.

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu:**

Nhìn chung giá nguyên vật liệu là yếu tố ảnh hưởng lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng trên 70% tổng giá thành của sản phẩm. Do đặc tính của thị trường nguyên vật liệu đầu vào biến động phụ thuộc vào giá xăng dầu trên thế giới nên giá cả liên tục biến động. Tình hình biến động giá nguyên vật liệu đầu vào làm ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất, dẫn đến ảnh hưởng giá cả đầu ra của sản phẩm. Tuy nhiên, công ty đã thực hiện không ngừng cải tiến kỹ thuật và sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của việc tăng giá đầu vào do vậy tỷ trọng giá vốn/doanh thu không có hiệu ứng biến động tăng

Tình hình biến động giá cả nguyên liệu đầu vào

Đơn vị tính: Đồng

Nguyên vật liệu	ĐVT	2012	2013		2014		30/09/2015	
		Đơn giá	Đơn giá	Tăng/giảm	Đơn giá	Tăng/giảm	Đơn giá	Tăng/giảm
Nhựa PP	Kg	33.363	34.726	+4,1%	36.363	+4,7%	34.773	-4,4%
Thép CT3	Kg	15.727	15.800	+0,5%	16.000	+1,3%	17.919	+11%

Đồng vàng	Kg	120.000	147.000	+22,5%	124.000	-15,6%	117.000	-5,65%
Đồng đỏ	Kg	189.000	171.400	-9,3%	151.700	-11,50%	137.240	-9,53%

(Nguồn: Công ty CP Khí cụ Điện 1)

b) Chi phí sản xuất**Bảng 9- Cơ cấu chi phí sản xuất trên doanh thu***Đơn vị tính: Triệu đồng*

CHI PHÍ	2013		2014		9 tháng đầu năm 2015	
	GT	%/DTT	GT	%/DTT	GT	%/DTT
Giá vốn hàng bán	220.228	90,28	241.714	91,12	207.157	91,21
Chi phí bán hàng	5.221	2,14	5.758	2,17	4.454	1,96
Chi phí quản lý	3.940	1,62	3.830	1,44	3.420	1,50
Chi phí tài chính	725	0,30	590	0,22	192	0,08
Tổng cộng	230.114	94,34	251.892	94,95	215.223	94,75

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014 và Báo cáo tài chính QIII-2015)

Giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất của công ty, tỷ trọng giá vốn qua các năm có xu hướng tăng nhẹ không đáng kể đều chiếm khoảng trên 90% doanh thu thuần. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ, chiếm 2,17% doanh thu thuần năm 2014 do Công ty chủ yếu thực hiện bán hàng qua hệ thống chi nhánh và nhà phân phối nên chi phí marketing và các chi phí hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm tương đối thấp và hợp lý. Chi phí quản lý của doanh nghiệp luôn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí và có xu hướng giảm dần theo các năm, hiện chỉ còn chiếm khoảng 1,5% doanh thu thuần vào quý III/2015

c) Tình hình đầu tư

Hàng năm, Công ty đều thực hiện đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh do đặc thù của ngành nghề kinh doanh chính. Bên cạnh mục đích hiện đại

hóa trang thiết bị, việc đầu tư máy móc giúp hiệu quả sản xuất của Công ty tăng lên rõ rệt. Trong giai đoạn 2013 - 2014, Công ty đã triển khai đầu tư mua sắm một loạt các thiết bị như máy nén khí, máy ép nhựa, máy dập, máy cắt dây tự động, máy đóng gói bao bì; đồng thời công ty cũng triển khai đầu tư mua thêm phương tiện vận tải phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa và xe phục vụ công tác cho CBCNV.

d) Trình độ công nghệ

Nắm bắt đặc điểm hoạt động sản xuất trong ngành cơ khí sản xuất thiết bị điện đòi hỏi tính chính xác cao nên máy móc thiết bị đóng vai trò hết sức quan trọng phục vụ sản xuất, Công ty liên tục đầu tư các thiết bị hiện đại, mang lại hiệu quả năng suất cao dần thay thế những loại máy móc cũ đã lạc hậu như: máy cắt dây tia lửa điện, hệ thống máy ép ngàng nhựa cứng, nhựa mềm, máy bó xoắn kép tốc độ cao, máy phay (TTGC) HV35 và đặc biệt là hệ thống dây chuyền sản xuất dây và cáp điện dân dụng.

Bên cạnh hệ thống thiết bị hiện đại, Công ty cũng từng bước áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng môi trường làm việc nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả lao động:

- ✚ Công ty sử dụng phần mềm Autocad, Solidworks, Cimatron, CNC để thiết kế sản phẩm, thiết kế khuôn mẫu gá lắp đảm bảo tính chính xác và hiệu quả của thiết kế.
- ✚ Một số công đoạn của quá trình sản xuất được tự động hóa làm giảm đáng kể nhân lực sử dụng
- ✚ Toàn bộ Công ty được kết nối trực tiếp thông qua hệ thống mạng LAN.

Do vậy, với trình độ công nghệ và kinh nghiệm gần 50 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất khí cụ điện, Công ty Cổ phần khí cụ điện 1 có đủ kinh nghiệm và năng lực, trình độ để sản xuất các loại sản phẩm như các loại áp tô mát, cầu dao điện, các loại công tắc, ổ cắm... đạt chất lượng cao phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng

Bảng 10- Một số thiết bị máy móc phục vụ sản xuất

STT	Tên tài sản	Hãng	Nước
1	Máy rút dây LHT 250/17	Dong Kong	Trung Quốc
2	Máy rút dây tinh tốc độ cao SNF22N00	Sangfen g	Đài Loan
3	Máy bọc dây PVC cách điện tốc độ cao	Sangfen g	Đài Loan
4	Máy bọc dây cáp điện Ø80	Sangfen g	Đài Loan

5	Máy bó xoắn kép tốc độ cao 630MMØ	Sang feng	Đài Loan
6	Máy xoắn 1000MMØ	Yuhe Lorng	Trung Quốc
7	Máy đánh cuộn tự động 650MM	Sang feng	Đài Loan
8	Máy đánh cuộn tự động 550MM	Sang feng	Đài Loan
9	Máy đóng gói cuộn tốc độ cao	Sang feng	Đài Loan
10	Lò ủ chân không kiểu nổi 800KG	Sang feng	Đài Loan
11	Máy ép ngang nhựa cứng SWS 300T	Shine Well	Đài Loan
12	Máy ép ngang nhựa mềm 150T	Lancing	Đài Loan
13	Máy ép ngang nhựa mềm SWS150B	Shine Well	Đài Loan
14	Máy ép ngang nhựa cứng SWS150BB	Shine Well	Đài Loan
15	Máy ép ngang SWS 260T	Shine Well	Đài Loan
16	Máy ép ngang TB160T	Hwa chin	Đài loan
17	Máy ép ngang HC120L	Hwa chin	Đài loan
18	Máy ép ngang HC80L	Hwa chin	Đài loan
19	Máy ép ngang HC60L	Hwa chin	Đài loan
20	Máy xung tia lửa điện	Goldsun	Trung Quốc
21	Máy cắt điện cực dây CNC GS40050A	Goldsun	Trung Quốc

22	Máy xung tia lửa điện JSEDM 90A	JSEDM	Đài loan
23	Máy xung tia lửa điện JSEDM 60A	JSEDM	Đài loan
24	Máy xung tia lửa điện JSEDM 30A	JSEDM	Đài loan
25	Máy cắt điện cực dây CNC JSEDM	JSEDM	Đài loan
26	Máy phay (TTGC) HV35	Hartford	Đài Loan
27	Máy phay (TTGC) VMC – 65E	Maximart	Đài Loan
28	Máy quần lò xo	Su Yi	Đài Loan
29	Máy dập tự động YSM 38T	Yih Shen	Đài Loan
30	Máy dập tự động YSM 26T	Yih Shen	Đài Loan
31	Máy ép đứng V110/75V	Sumitomo	Nhật Bản
32	Máy mài phẳng PFG	Perfect	Đài loan
33	Máy cắt tôn DYSM-1225	Daeyang	Hàn quốc
34	Máy cắt góc LB 6225	Boschert	Đức
35	Máy cắt đột Tiger 750	Boschert	Đức
36	Máy nén khí PUMA 30HP	Puma	Đài Loan
37	Máy nén khí YED22	Yee	Đài Loan

(Nguồn: Công ty cổ phần Khí cụ Điện 1)

Hình ảnh một số thiết bị phục vụ hoạt động của công ty



Máy bao gói



Máy xung



Lò ủ chân không



Trung tâm gia công khuôn CNC



Máy bọc



Hình ảnh công ty

e) Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong những năm qua, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới và sản phẩm cải tiến được tập trung thực hiện theo mục tiêu chiến lược sản phẩm 5 năm (2013 ÷ 2017) Công ty đã hoạch định.

Nhóm sản phẩm điện dân dụng:

Chủ động đa dạng hoá sản phẩm; cải tiến kiểu dáng mẫu mã, màu sắc sản phẩm phù hợp thị hiếu người tiêu dùng, tạo thuận lợi cho người tiêu dùng có nhiều sự lựa chọn. Các sản phẩm mới và sản phẩm cải tiến đã ngày càng khẳng định vị thế của mình, góp phần làm tăng doanh thu, mở rộng thị phần, tăng sức tiêu thụ và làm tăng hiệu quả trong sản xuất và kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, Công ty đã nghiên cứu tìm hiểu thị trường và nhu cầu khách hàng và đã mạnh dạn đầu tư về trí tuệ, tài chính và nguồn nhân lực, để thực hiện việc thiết kế, chế tạo và đưa ra thị trường hơn 20 loại sản phẩm chất lượng cao: Ổ cắm - Công tắc GELEX có mẫu mã đẹp mắt, kiểu dáng phong phú, đa dạng về chủng loại và an toàn cho người sử dụng. Sản phẩm Ổ cắm - Công tắc GELEX bước đầu đã được thị trường đón nhận, đánh giá cao về kiểu dáng mẫu mã và tin tưởng vào chất lượng sản phẩm. Công ty đã thực hiện việc liên doanh, liên kết sản xuất Áptômát 1 pha có dòng điện tới 63A và 2 pha có dòng điện tới 40 A và đã đưa vào thị trường tiêu thụ.

Nhóm sản phẩm thiết bị điện Công nghiệp:

Công ty đã thực hiện thiết kế, chế tạo được Cầu dao hạ thế đến 5000A đáp ứng nhu cầu đơn hàng. Công ty cũng đã thực hiện việc liên doanh, liên kết sản xuất Áptômát 3 pha, nâng cao chất lượng, kiểu dáng sản phẩm để thay thế cho các loại Áptômát 3 pha cũ đáp ứng nhu cầu thị trường. Năm 2013, Công ty đã thực hiện thiết kế, chế tạo thiết bị chuyển đổi nguồn bằng tay MTS có gam dòng từ 100 A; 150 A; 200 A và đã được công nhận là đề tài khoa học cấp Bộ.

Nhóm sản phẩm Dây và cáp điện bọc nhựa PVC: Công ty đã sản xuất được các loại dây dân dụng cấp điện áp 300/500V loại 3 ruột và 4 ruột có tiết diện đến 6 mm²; Cáp điện lực hạ thế cấp điện áp 450/750V sử dụng chất độn bên trong bằng nhựa PVC tái sinh có tiết diện đến 10 mm² và đã được Trung tâm kỹ thuật 1 – Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp giấy chứng nhận phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 4 : 2014. Sản phẩm Dây và cáp điện đã được Cục Sở hữu công nghiệp – Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu Euron – VINAKIP.

Trong thời gian tới, Công ty xác định mục tiêu trong giai đoạn tiếp theo như sau :

- Nhóm sản phẩm điện dân dụng: Tiếp tục có những đầu tư nhiều hơn nữa cho việc nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến đặc biệt là các dòng

- sản phẩm có chất lượng cao và an toàn cho người sử dụng như Ổ cắm Công tắc chìm tường để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của Khách hàng
- Nhóm sản phẩm thiết bị điện công nghiệp: Cải tiến nâng cao chất lượng, mẫu mã cho dòng sản phẩm Cầu dao hộp, áp tô mát các loại.
 - Nhóm sản phẩm Dây và Cáp điện: Tiếp tục hoàn thiện việc thử nghiệm và đưa vào thị trường các loại cáp điện lực CXV có cấp điện áp 0.6/1 kV, sử dụng chất độn bên trong bằng sợi PP đáp ứng nhu cầu thị trường.

f) Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Quá trình sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm được Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 đã vận hành theo hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Mặt khác, với chính sách “Luôn luôn lắng nghe và không ngừng cải tiến” để sản phẩm và dịch vụ luôn thỏa mãn nhu cầu của khách hàng trong và ngoài công ty, xứng đáng với niềm tin mà khách hàng và đối tác đã dành cho, mọi hoạt động quản lý cũng như quy trình sản xuất của Công ty đều được thực hiện và kiểm soát chặt chẽ theo hệ thống tiêu chuẩn quốc tế này do bộ phận chuyên trách là Phòng Quản lý chất lượng đảm nhiệm. Các công đoạn sản xuất tại các nhà máy đều được thực hiện theo một quy trình chuẩn. Sản phẩm đưa ra được kiểm tra gắt gao và rất chuyên nghiệp.

Quy định chung:

- + Công nhân tự chịu trách nhiệm về chất lượng SP của mình làm ra trong quá trình sản xuất.
- + Trong quá trình sản xuất, công nhân có trách nhiệm loại những sản phẩm không phù hợp, lập phiếu xử lý theo TTCL Kiểm soát sản phẩm không phù hợp.
- + Hệ thống dây chuyền thiết bị được đầu tư đồng bộ với tính năng hiện đại thường định kỳ thực hiện việc sửa chữa, bảo dưỡng nhằm đảm bảo sự chính xác khi gia công sản xuất;

Cụ thể:

Kiểm soát vật tư - bán thành phẩm mua ngoài

Trước khi vật tư – BTP được nhập vào Công ty, căn cứ hướng dẫn kiểm tra vật tư - BTP, nhân viên KCS phòng QLCL kiểm soát để khẳng định chất lượng.

 Kiểm soát quá trình gia công khuôn gá

- Căn cứ Quy trình công nghệ, bản vẽ công nghệ chế tạo khuôn gá, nhân viên KCS phòng QLCL kiểm soát quá trình chế tạo khuôn.

- Kết thúc quá trình làm khuôn, đơn vị sử dụng khuôn thử khuôn:
- + Nếu khuôn đạt yêu cầu, KCS viết biên bản kết luận khuôn và nhập kho theo quy định.
- + Nếu khuôn chưa đạt yêu cầu, đơn vị sử dụng khuôn tiếp tục sửa chữa đạt yêu cầu để kết luận khuôn.

 Kiểm soát quá trình gia công chi tiết - bán thành phẩm

- Kiểm soát quá trình gia công khuôn đảm bảo kỹ thuật, làm thử các chi tiết đầu tiên đạt yêu cầu.
- Căn cứ bản vẽ công nghệ, bản vẽ sản phẩm, nhân viên KCS phòng QLCL kiểm soát việc tuân thủ các tài liệu kỹ thuật.
- Kiểm tra xác suất các chi tiết sản phẩm trong quá trình để kịp thời phát hiện SP không phù hợp.

 Kiểm soát quá trình lắp ráp sản phẩm xuất xưởng

- Căn cứ bản vẽ sản phẩm, Hướng dẫn lắp ráp sản phẩm, KCS kiểm soát việc tuân thủ các tài liệu kỹ thuật.
- Kiểm tra xác suất trong quá trình để kịp thời phát hiện sự không phù hợp

g) Hoạt động Marketing

Nhằm đưa sản phẩm mang thương hiệu VINAKIP tới tận tay người tiêu dùng trên mọi miền đất nước, Công ty hiện có hệ thống văn phòng đại diện và chi nhánh đặt rộng khắp trên toàn quốc..

Với mục tiêu mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa trong sản phẩm, Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động marketing gồm:

-  Thực hiện cơ chế khoán doanh thu đối với hệ thống các chi nhánh nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ và phát triển thị trường. Cụ thể: thưởng trên phần doanh thu thực hiện vượt so với kế hoạch, tính theo tỷ lệ %. Thưởng theo tỷ lệ % khi đạt doanh số thu tiền bán hàng/doanh thu bán hàng hằng tháng: từ trên 100% trở lên.
-  Thúc đẩy bán hàng thông qua hệ thống Nhà phân phối:
 - Khoán doanh thu chi tiết từng tháng, quý trên cơ sở đặc thù vùng thị trường, năng lực phân phối và mùa vụ tiêu thụ.
 - Hỗ trợ các dịch vụ trong bán hàng như vận chuyển, chăm sóc hệ thống đại lý cấp dưới của Nhà phân phối.

- Hỗ trợ các dịch vụ sau bán hàng: bảo hành, cung cấp tài liệu kỹ thuật, công nghệ, tư vấn đặc tính sản phẩm, cách thức phân phối, quảng cáo, quảng bá có tính chất gắn liền với Nhà phân phối.

h) Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Thương hiệu Vinakip và logo Kip được hình thành, chứng nhận và phát triển từ năm 1986.



Với khẩu hiệu "*Cung cấp sản phẩm và dịch vụ có chất lượng phù hợp với các yêu cầu mong đợi của khách hàng với giá cả hợp lý*" làm tiêu chí trong hoạt động, thương hiệu Vinakip đã được người tiêu dùng và các Hiệp hội cấp giấy chứng nhận chất lượng và phát triển thương hiệu.

i) Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Hiện nay, Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 là đối tác tin cậy chuyên cung cấp thiết bị điện phục vụ công tác xây dựng, lắp đặt của một số doanh nghiệp.

Bảng 11- Một số Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Loại sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Công ty CP Sứ thủy tinh cách điện	2/HĐ-VINAKIP	07/01/2015	Cầu dao 100 3P cực đúc	164.431.000
2	Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	632/2015/ĐLPC	26/01/2015	Dây điện CV 6.0, dây điện CV 10.0	444.600.000
3	Công ty CP Điện lực Đắk Lắk	673/2015-ĐLPC	27/01/2015	ATM 3P-60A, ATM 1P-20A	2.690.000.000
4	Công ty TNHH	01/15-	03/02/2015	Cầu dao sứ	302.400.120

	Kỹ thuật điện Nam Tiến	HĐVINAKIP- Nam Tiến			
5	Côngty CP Kỹ thuật Thương mại E.E – Hồ Chí Minh	01/15- HĐVINAKIP- HCM	08/5/2015	Cầu dao sứ, Công tắc, Ổ cắm	581.103.050
6	Côngty CP Điện lực Thanh Hóa	17/2015- ĐLTH	05/6/2015	Cầu dao	120.422.500
7	Côngty Điện lực Quảng Ninh	51/PCQN- VINAKIP	08/7/2015	Dây điện đơn CV 1 x 6.0 (7/1.04)	68.640.000
8	Côngty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	126/PCHD- VINAKIP	10/8/2015	Cầu dao hạ thế các loại, từ 20A đến 100A	143.451.000
9	Côngty CP Điện lực Khánh Hòa	121/2015/HĐ- ĐL KH/P6	04/9/2015	Cầu dao điện 2P-30A	198.000.000
10	Côngty CP Điện lực Khánh Hòa	1708	15/9/2015	Cầu dao 2P- 30A	163.621.000

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 12- Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD

Đơn vị : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng, giảm	9 tháng đầu năm 2015 (30/09/2015)
Tổng giá trị tài sản	110.855.297.644	111.283.150.947	0,39	123.161.157.457
Doanh thu thuần	243.930.258.919	265.280.847.420	8,75	227.102.432.872
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	14.437.783.830	15.550.762.298	7,71	14.000.632.257

Lợi nhuận khác	70.318.182	2.324.500	(96,69)	(820.756.730)
Lợi nhuận trước thuế	14.508.102.012	15.553.086.798	7,20	13.179.875.527
Lợi nhuận sau thuế	10.840.180.044	12.106.528.607	11,68	10.101.936.431
Tỷ lệ LN trả cổ tức	62,72%	56,16%	(10,5)	

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014 và Báo cáo tài chính QIII-2015)

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Doanh thu thuần có sự gia tăng: năm 2014 doanh thu đạt hơn 265 tỷ đồng, tăng 8,75% so với năm 2013. Cùng với sự gia tăng của doanh thu, các chi phí cũng gia tăng: giá vốn hàng bán cũng tăng hơn 9,76%. Do tốc độ tăng của giá vốn hàng hóa cao hơn tốc độ gia tăng doanh thu nên lợi nhuận thuần từ HĐKD cũng tăng thấp trong giai đoạn này, khi 2014 có sự gia tăng 7,71% so với 2013. Có sự biến động của các chỉ tiêu như trên là do sự tác động của các nhân tố cả thuận lợi lẫn khó khăn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Những nhân tố thuận lợi:

- Thương hiệu VINAKIP đã được người tiêu dùng biết tới và chấp nhận trên thị trường.
- Cơ chế quản lý, điều hành được quy định rõ ràng, có sự giám sát chặt chẽ của HĐQT, Ban Kiểm soát nhằm thực hiện mục tiêu chung là lợi nhuận nên chi phí được sử dụng hợp lý.

Những nhân tố khó khăn:

- Sức ép cạnh tranh khá mạnh của các sản phẩm cùng loại nhập khẩu từ Trung Quốc và các sản phẩm của các doanh nghiệp cùng ngành, đặc biệt sản phẩm VINAKIP bị làm nhái, làm giả với giá rẻ của các tổ hợp sản xuất tư nhân đã làm giảm doanh thu và ảnh hưởng đến uy tín của Công ty...
- Giá các loại vật tư, nguyên vật liệu đầu vào và các dịch vụ liên tục tăng cao gây khó khăn, làm gia tăng chi phí sản xuất kinh doanh.
- Một số thiết bị công nghệ sau nhiều năm sử dụng đã hết khấu hao, sử dụng chi phí lao động cao.

9. Vị thế Công ty trong ngành

9.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 là một trong những Công ty sản xuất thiết bị điện lâu đời tại Việt Nam. Với bề dày hoạt động sản xuất kinh doanh trên 40 năm, Công ty đã xây dựng cho mình một thương hiệu và uy tín cao trong lĩnh vực chế tạo sản xuất thiết bị điện. Thương hiệu VINAKIP đã khẳng định được vị thế trên thị trường với nhiều giải thưởng chất lượng, các loại sản phẩm được biết đến và chiếm thị phần không nhỏ ở thị trường trong nước thông qua hệ thống chi nhánh và nhà phân phối trên toàn quốc. Vị thế của Công ty được hình thành và phát triển dựa trên các yếu tố sau:

- ✚ Là một đơn vị do Tổng Công ty CP thiết bị điện Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối nên Công ty thường xuyên được sự quan tâm chỉ đạo của Tổng Công ty.
- ✚ Công ty đã tạo dựng được thương hiệu trên thị trường, sản phẩm được người tiêu dùng cả nước biết đến và tiêu dùng rộng rãi.
- ✚ Chất lượng sản phẩm không ngừng nâng cao do Công ty luôn chú trọng cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu hoàn thiện sản phẩm. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 được tuân thủ nghiêm ngặt và hoạt động sản xuất của Công ty đều hướng tới sự thân thiện với môi trường đáp ứng tuân thủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001:2010.
- ✚ Đội ngũ công nhân viên và bộ máy quản lý có thâm niên hoạt động lâu năm trong ngành, có khả năng nắm bắt và xử lý kịp thời trước những diễn biến thị trường.
- ✚ Với nền kinh tế Việt Nam cùng với ngành xây dựng phát triển như hiện nay nhu cầu tiêu thụ dây và cáp điện gia tăng mạnh.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo dự báo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, với nhu cầu sử dụng điện ngày một tăng cao (tăng trưởng của ngành điện và sản xuất thiết bị điện đạt khoảng 12%-14%). Nhu cầu của thị trường là rất lớn và mở rộng đối với Công ty. Tập đoàn Điện lực Việt Nam cũng đã xác định mục tiêu chiến lược phát triển cơ khí điện lực nhằm tiết giảm và tiến tới ngừng chế tạo các thiết bị lạc hậu, nội địa hóa phù hợp với quá trình phát triển kinh tế của ngành điện và xây dựng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Theo Quy hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị điện giai đoạn 2006 - 2015, tầm nhìn đến năm 2025, Bộ Công thương cũng khẳng định: “Đến năm 2015 ngành sản xuất thiết bị điện Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực về công nghệ sản xuất máy biến thế, động cơ điện máy phát điện, khí cụ điện trung và cao thế, dây và cáp điện phục vụ trong nước và xuất khẩu”. Chiến lược phát triển dài hạn ngành được xác định:

- ✚ Ưu tiên đầu tư, phát triển sản xuất các loại công tơ điện tử, khuyến khích đầu tư sản xuất các loại khí cụ điện cấp cao thế, các hệ thống đo đếm, giám sát thông minh, an toàn lưới điện; Đầu tư mới, đầu tư mở rộng, nâng công suất của các doanh nghiệp sản xuất công tơ nhằm đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu. Tập trung sản xuất các loại công tơ điện tử; Đầu tư xây

dụng nhà máy sản xuất các loại khí cụ điện cấp trung và cao thế, theo tiêu chuẩn quốc tế trên cơ sở phát huy nội lực trong nước và tận dụng nguồn đầu tư nước ngoài;

- ✚ Khai thác có hiệu quả phương thức nhượng quyền thương mại, từng bước tạo lập thương hiệu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất các tủ, bảng điện và trọn bộ thiết bị trạm điện cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với mục tiêu hướng tới của mình là “Thiết bị điện Việt Nam - Chất lượng vì cuộc sống”, Công ty xác định chiến lược - kế hoạch phát triển cụ thể:

- ✚ Chế tạo và cung cấp các sản phẩm trung cao thế.
- ✚ SX thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao.
- ✚ SX cung cấp sản phẩm thiết bị điện dân dụng cao cấp, tiết kiệm điện năng.

Tận dụng lợi thế về kinh nghiệm sản xuất, chất lượng sản phẩm cao, Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư sản xuất khi điều kiện thị trường thuận lợi, có kế hoạch cụ thể phát triển đạo tạo nâng cao trình độ tay nghề đội ngũ công nhân viên và phát triển hệ thống kênh phân phối để mở rộng hơn thị trường tiêu thụ.

Những định hướng nêu trên của Công ty là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển chung của thị trường cũng như Quy hoạch phát triển ngành thiết bị điện giai đoạn 2006 - 2015 của Bộ Công thương.

10. Chính sách với người lao động

10.1. Cơ cấu lao động

Tổng số CBCNV trong Công ty tính đến ngày 30/09/2015 là 450 người. Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

Bảng 14- Cơ cấu lao động theo trình độ lao động

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học	84	18,7%
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	23	5,1 %
3	Công nhân kỹ thuật và Lao động phổ thông	343	76,2%

(Nguồn: Công ty cổ phần khí cụ điện 1)

10.2. Chính sách với người lao động

Với đặc thù của ngành sản xuất khí cụ điện, nhiều sản phẩm còn mang tỷ trọng sức lao động trực tiếp từ nhân công khá lớn như công đoạn lắp ráp các loại sản phẩm áp tô mát, cầu chì, ổ cắm điện ... thì nhân lực là yếu tố nền tảng đóng góp cho sự phát triển. Ý thức rõ được nhân tố này, ở Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 công tác nhân sự được đặt lên hàng đầu. Công ty luôn xây dựng môi trường làm việc mà ở đó khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy khả năng sáng tạo, xây dựng và phát triển chế độ lao động chính sách ưu đãi hợp lý đối với người lao động giúp họ yên tâm làm việc và cống hiến. Cụ thể như sau:

- + Tiền lương được chi trả theo tháng gồm 2 lần (tạm ứng và thanh toán). Lương được tính dựa trên kết quả năng suất lao động, ngày công và mức độ hoàn thành công việc.
- + Tiền thưởng: được tính theo quý, dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc chi trả tiền thưởng được thực hiện theo quy chế do Công ty xây dựng
- + Thời gian nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ hiếu hỷ, nghỉ phép, nghỉ ốm, không lương: Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.
- + Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế: Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật định.
- + Do đặc thù sử dụng nhiều lao động nữ nên đời sống của lực lượng cán bộ lao động nữ luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Ban lãnh đạo. Các tổ chức đoàn thể của Công ty được lập ra nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ này.
- + Một số chính sách ưu đãi đối với Cán bộ công nhân viên khác:
 - o Chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ.
 - o Chế độ thăm quan, nghỉ lễ.
- + Trong quá trình cổ phần hóa có chính sách ưu đãi đặc biệt cho các hộ lao động nghèo được mua cổ phần dưới hình thức trả chậm.

11. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất. Việc xác định mức cổ tức chi trả từ lợi nhuận giữ lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau:

Năm 2013: 20%

Năm 2014: 20%

Dự kiến mức trả cổ tức năm 2015 là 20% phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VND). Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Vốn điều lệ, vốn kinh doanh tại thời điểm 30/09/2015

- Vốn điều lệ: 34.000.000 đồng
- Tổng nguồn vốn kinh doanh: 123.161.157.457 đồng

Toàn bộ vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trích khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	07 năm
Phương tiện vận tải	05-07 năm
Thiết bị văn phòng	03-05 năm

- Mức lương bình quân:

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty qua các năm:

Năm 2012: 4.636.267 VNĐ/người/th

Năm 2013: 5.257.284 VNĐ/người/th

Năm 2014: 5.978.528 VNĐ/người/th

- Thanh toán các khoản nợ tới hạn:

Hiện tại, Công ty không có các khoản nợ quá hạn, khả năng trả nợ Ngân hàng của công ty đang trong tình trạng tốt và đúng hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định:

Bảng 15 - Các khoản phải nộp theo luật định*Đơn vị tính: Đồng*

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	9 tháng đầu năm 2015
Thuế giá trị gia tăng	7.062.883.534	7.430.430.937	6.827.501.665
Thuế thu nhập DN	3.667.921.968	3.446.558.191	3.758.733.551
Thuế thu nhập cá nhân	296.755.805	244.304.755	141.965.861
Tổng cộng	11.027.561.307	11.121.293.883	10.728.201.077

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014 và Báo cáo tài chính QIII-2015)

- Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo Điều lệ Công ty, hàng năm Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế một khoản vào quỹ dự trữ bổ sung quỹ đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật.

Bảng 16 – Trích lập các quỹ theo luật định*Đơn vị tính: Đồng*

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	9 tháng đầu năm 2015
Quỹ đầu tư phát triển	13.847.163.867	15.647.163.867	21.087.404.209
Quỹ dự phòng tài chính	3.040.240.342	3.440.240.342	0
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.271.841.508	3.269.940.987	5.227.896.647

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014 và Báo cáo tài chính Quý III/2015)

- Tổng dư nợ phải trả của Công ty trong những năm gần nhất

Bảng 17 - Nợ phải trả trong năm 2013, 2014 và 30/09/2015

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	30/09/2015
Nợ ngắn hạn	35.332.895.777	32.079.220.473	41.953.330.552
Nợ dài hạn	2.100.000.000	2.300.000.000	2.350.000.000
Tổng	37.432.895.777	34.379.220.473	44.303.330.552

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014 và Báo cáo tài chính Quý III/2015)

Trong đó, chi tiết các khoản vay của Công ty năm 2013, năm 2014 và 30/09/2015 như sau:

Bảng 18 – Chi tiết các khoản vay của Công ty

ĐVT: Đồng

TT	TÊN TÀI KHOẢN	LOẠI TIỀN	SỐ DƯ 30/09/2015	SỐ DƯ 31/12/2014	SỐ DƯ 31/12/2013
1	Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	VND	2.000.000.000	5.735.350.000	7.735.350.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1)

- Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 19- Tình hình công nợ phải thu năm 2013, 2014 và 30/09/2015

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	30/09/2015
Phải thu ngắn hạn	4.843.164.334	5.841.561.788	21.606.133.783
Phải thu từ khách hàng	4.288.500.866	5.670.507.249	19.055.705.950
Trả trước cho người bán	854.519.199	470.910.270	2.273.793.950
Phải thu ngắn hạn khác	0	0	576.489.614

Dự phòng phải thu khó đòi	(299.855.731)	(299.855.731)	(299.855.731)
Phải thu dài hạn	0	0	0
Tổng	4.843.164.334	5.841.561.788	21.306.278.052

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014 và Báo cáo tài chính Quý I III/2015)

Bảng 20- Tình hình công nợ phải trả năm 2013, 2014 và 30/09/2015

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	30/09/2015
Vay và nợ ngắn hạn	7.735.350.000	5.735.350.000	2.000.000.000
Phải trả người bán	12.386.528.574	14.754.162.748	22.291.720.409
Người mua trả tiền trước	3.298.189.641	1.802.477.179	2.460.659.131
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.482.598.147	746.462.930	1.535.232.538
Phải trả người lao động	5.022.502.163	5.131.511.293	7.788.374.453
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.135.885.744	639.315.336	649.447.374
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.271.841.508	3.269.940.987	5.227.896.647
Tổng cộng	35.332.895.777	32.079.220.473	41.953.330.552

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014 và Báo cáo tài chính QIII-2015)

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 21- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	30/09/2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	2,21	2,57	2,30
- Hệ số thanh toán nhanh (=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH	1,15	1,35	1,63

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	0,34	0,31	0,36
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	0,51	0,45	0,56
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	6,23	6,30	6,39
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,20	2,38	1,84
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,044	0,0456	0,0445
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,1476	0,1574	0,1281
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	0,097	0,1088	0,0820
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	0,059	0,0586	0,0616

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014 và Báo cáo tài chính QIII-2015)

Nói chung các hệ số khả năng thanh toán của Công ty đều lớn hơn 1, điều này chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty khá tốt, tuy nhiên hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn có xu hướng tăng nhẹ, từ 2,21 năm 2013 lên thành 2,57 năm 2014.

Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty có xu hướng giảm qua các năm: năm 2013 là 0,51 giảm xuống còn 0,45 vào năm 2014. Tuy nhiên đến quý III/2015 tỷ lệ này lại có xu hướng tăng trở lại, chủ yếu do Công ty đã sử dụng nguồn ngắn hạn để bổ sung thêm vào vốn lưu động.

Về các chỉ tiêu khả năng sinh lời của Công ty qua các thời kỳ cũng đều có xu hướng tăng lên. Các chỉ tiêu sinh lời này cũng ở mức cao so với doanh nghiệp cùng ngành khác.

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

1. Ông: Phùng Đệ – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên:	PHÙNG ĐỆ
- Giới tính:	Nam

- Ngày sinh:	17 tháng 6 năm 1959
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	010426954, cấp ngày 23/4/2003
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tập thể Công ty CP Khí cụ điện 1 (Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội)
- Trình độ văn hóa:	PTTH 10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 12/1976 đến 7/1981	Sinh viên Trường ĐH Bách khoa Hà Nội
Từ tháng 8/1981 đến 10/1981	Học viên sỹ quan dự bị - Trường Trung học quân khu thủ đô
Từ tháng 11/1981 đến nay	Công tác tại Công ty CP Khí cụ điện 1
+ 11/1981 đến 7/1988	Kỹ sư thiết kế công nghệ - Phòng Kỹ thuật
+ 8/1988 đến 12/1989	Tổ trưởng tổ thiết kế công nghệ
+ 01/1990 đến 10/1993	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật
+ 11/1993 đến 01/1999	Phó Trưởng phòng Kinh doanh, kiêm Trưởng Chi nhánh Công ty tại Hà Nội
+ 12/1999 đến 8/2003	Trưởng phòng Thị trường
Từ tháng 4/2003	Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân, chuyên ngành Quản lý kinh tế (văn bằng 2)
Từ tháng 9/2003 đến 3/2011	Phó Tổng Giám đốc Công ty Khí cụ điện 1 (nay là Công ty CP Khí cụ điện 1)

Từ 4/2011 đến nay	Tổng giám đốc Công ty
Từ 01/2007 đến 5/2012	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty
Từ 6/2012 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	3.000 cổ phần Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	27.920 cổ phần, chiếm 0,82% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Vợ: Hoàng Thị Hải, 10.930 CP, chiếm 0,32% VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

2. Ông: Lê Xuân Thành – Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên:	LÊ XUÂN THÀNH
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	11 tháng 4 năm 1976
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	111838200, cấp ngày 04/9/2001
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội

- Trình độ văn hóa:	PTTH 12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:	<i>Làm việc tại Công ty CP Khí cụ điện 1</i>
01/1999 đến 3/1999	Nhân viên phòng Kinh doanh Công ty
4/1999 đến 01/2001	Nhân viên thị trường Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh
02/2001 đến 5/2002	Nhân viên thị trường Chi nhánh Công ty tại TP Hà Nội
6/2002 đến 5/2003	Nhân viên tiêu thụ phòng Thị trường
6/2003 đến 4/2004	Phó phòng Thị trường
5/2004 đến 14/12/2007	Trưởng phòng Kinh doanh
15/12/2007 đến 6/2009	Trợ lý Tổng GD về kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kinh doanh
7/2009 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty
4/2014 đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	64.420 cổ phần, chiếm 1,89% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Bố đẻ: Lê Thanh Xuân, 4.100 CP, chiếm 0,12% VDL

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	6.000 cổ phần Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

3. Ông: Tạ Trung Hiếu - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	TẠ TRUNG HIẾU
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	13 tháng 8 năm 1971
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	112466605, cấp ngày 14/12/2007
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 30, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	PTTH 12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế
- Quá trình công tác:	<i>Làm việc tại Công ty CP Khí cụ điện 1</i>
Từ năm 1992 đến năm 1999:	Công nhân nguội khuôn mẫu - Nhà máy Khí cụ điện 1
Từ tháng 02/1999 đến tháng 02/2006:	Phó quản đốc Xưởng 3 - Công ty Khí cụ điện 1
Từ tháng 3/2006 đến tháng 01/2007:	Quản đốc Xưởng 3 - Công ty CP Khí cụ điện 1

Từ tháng 02/2007 đến tháng 02/2011:	Phó giám đốc Xưởng 3
Từ tháng 3/2011 đến tháng 02/2012:	Giám đốc Xưởng 2
Từ tháng 3/2012 đến nay:	Giám đốc Xưởng 3
Từ tháng 4/2014 đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Xưởng 3
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	2.880 cổ phần, chiếm 0,084% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

4. Ông: Hoàng Đình Phẩm - Ủy viên hội đồng quản trị

- Họ và tên:	HOÀNG ĐÌNH PHẨM
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	04 tháng 01 năm 1950
- Quốc tịch:	Việt Nam

- Số chứng minh nhân dân:	010492593, cấp ngày 09/7/2012
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 55, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	PTTH 10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư máy điện - khí cụ điện
- Quá trình công tác:	
Từ 1974 đến 1977:	Thiết kế viên - phòng Kỹ thuật, Nhà máy động cơ điện Việt Nam - Hungary.
Từ 1978 đến 1981:	Phó phòng Kỹ thuật, Nhà máy động cơ điện Việt Nam - Hungary.
Từ 1982 đến 1985:	Trưởng phòng Kế hoạch, Nhà máy động cơ điện Việt Nam - Hungary.
Từ 1986 đến 1993:	Trưởng phòng Kỹ thuật, Nhà máy động cơ điện Việt Nam - Hungary
Từ 1994 đến 1995:	Trợ lý Giám đốc kiêm Giám đốc Xưởng điện, Công ty chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary.
Từ 1995 đến 2002:	Phó giám đốc Kỹ thuật Công ty chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary.
Từ tháng 6/2002 đến tháng 12/2006:	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Khí cụ điện 1
Từ tháng 01/2007 đến tháng 5/2009:	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khí cụ điện 1.
Từ tháng 6/2009 đến tháng 3/2011:	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khí cụ điện 1.
Từ tháng 4/2011 đến nay:	Ủy viên HĐQT Công ty CP Khí cụ điện 1, nghỉ hưu trí.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Khí cụ điện 1
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	167.090 cổ phần, chiếm 4,91% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	- Vợ: Hoàng Thị Kiểm, 42.600 CP, chiếm 1,25% VDL - Con trai: Hoàng Nhật Anh, 26.840 CP, chiếm 0,79% VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

5. Ông: Hoàng Anh Dũng - Ủy viên hội đồng quản trị.

- Họ và tên:	HOÀNG ANH DŨNG
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	11 tháng 3 năm 1975
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	181429935, cấp ngày 03/9/2001
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Khu Đô thị Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	PTTH 12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 01/1998 đến tháng 01/2000:	Nhân viên - Viện Cơ khí
Từ tháng 02/2000 đến 19/8/2001:	Nhân viên - Công ty Vinaconex

Từ tháng 8/2001 đến tháng 4/2012:	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
Từ tháng 5/2012 đến nay:	Giám đốc Kinh doanh Tổng công ty CP Thiết bị điện VN
Từ tháng 01/2013 đến nay	Giám đốc Công ty Sản xuất và Thương mại EMIC
Từ tháng 6/2012 đến nay:	Ủy viên HĐQT Công ty CP Khí cụ điện 1
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Giám đốc Công ty Sản xuất và Thương mại EMIC Giám đốc Kinh doanh Tổng công ty CP Thiết bị điện VN
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

13.2. Ban Tổng Giám đốc**1. Ông: Phùng Đệ - Tổng Giám đốc (Lý lịch đã nêu ở trên)****2. Ông: Lê Xuân Thành - Phó Tổng Giám đốc (Lý lịch đã nêu ở trên)****13.3. Ban kiểm soát****1. Bà: Trương Thị Thu Cúc – Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên:	TRƯƠNG THỊ THU CÚC
- Giới tính:	Nữ

- Ngày sinh:	02 tháng 5 năm 1962
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	111994438, cấp ngày 22/3/2003
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	PTTH 10/10
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:	<i>Làm việc tại Công ty CP Khí cụ điện 1</i>
Từ tháng 01/1986 đến tháng 5/1988	Kế toán phòng Tài vụ Nhà máy Khí cụ điện 1
Từ tháng 6/1988 đến tháng 9/1993:	Kế toán phòng Đời sống Công ty Khí cụ điện 1
Từ tháng 10/1993 đến tháng 6/2007:	Kế toán Công ty CP Khí cụ điện 1
Từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2010:	Phó phòng TCKT
Từ tháng 7/2010 đến nay:	Phó phòng Kinh doanh
Từ tháng 4/2004 đến 3/2014	Ủy viên Ban kiểm soát
Từ tháng 4/2014 đến nay:	Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban kiểm soát, Phó phòng Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	7.110 cổ phần, chiếm 0,2% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

2. Bà: Hoàng Thị Thanh – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên:	HOÀNG THỊ THANH
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	22 tháng 5 năm 1974
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	111994410, cấp ngày 22/3/2003
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	PTTH 12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:	<i>Làm việc tại Công ty CP Khí cụ điện 1</i>
Từ tháng 8/1999 đến tháng 9/2005:	Thống kê xưởng
Từ tháng 10/2005 đến tháng 12/2011:	Nhân viên phòng Điều độ sản xuất
Từ tháng 01/2012 đến tháng 7/2012:	Trợ lý Trưởng phòng Điều độ sản xuất
Từ tháng 8/2012 đến nay:	Phó phòng Kế hoạch sản xuất
Từ tháng 4/2014 đến nay:	Ủy viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Ủy viên Ban kiểm soát, Phó phòng Kế hoạch sản xuất

- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	4.930 cổ phần, chiếm 0,14% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	- Chồng: Nguyễn Mậu Thuật, 300 cổ phần, chiếm 0,008% VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

3. Bà: Bùi Thị My – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên:	BÙI THỊ MY
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	26 tháng 6 năm 1964
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	011445782, cấp ngày 11/11/2008
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	PTTH 10/10
- Trình độ chuyên môn:	Trung cấp kế toán
- Quá trình công tác:	<i>Làm việc tại Công ty CP Khí cụ điện 1</i>
Từ tháng 11/1985 đến tháng 11/1990:	- Nhân viên phòng Tài vụ - Công ty Khí cụ điện 1 - Công ty CP Khí cụ điện 1
Tháng 12/1990 đến tháng 09/2004:	Thống kê xưởng
Từ tháng 10/2004 đến nay:	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính
Từ tháng 4/2014 đến nay:	Ủy viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Ủy viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	2.830 cổ phần, chiếm 0,08% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	- Chồng: Nguyễn Văn Nhậm, 3.350 cổ phần, chiếm 0,09% VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

13.4. Kế toán trưởng:**Bà: Hạ Thị Dung**

- Họ và tên:	HẠ THỊ DUNG
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	10 tháng 12 năm 1959
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	011090947, cấp ngày 03/10/2009
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	PTTH 10/10
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:	<i>Làm việc tại Công ty CP Khí cụ điện 1</i>
Từ 1981 đến 1984:	Sinh viên Trường Đại học Tài chính kế toán.
Từ 1985 đến 1988:	Nhân viên phòng Tài chính kế toán
Từ tháng 4/1988 đến tháng 11/1991:	Nhân viên Phòng Tài vụ
Từ tháng 12/1991 đến 1993:	Phó Phòng Tài vụ
Từ 1994 đến 1995:	Phó Phòng Kinh Doanh
Từ tháng 1/1996 đến tháng 12/1996	Trưởng phòng TCKT
Từ tháng 01/1997 đến nay	Kế toán trưởng

Từ tháng 4/2004 đến 3/2014:	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	16.240 cổ phần, chiếm 0,47% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	- Chồng: Khuất Duy Trân, 6.090 cổ phần, chiếm 0,17% VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	1.000 cổ phiếu Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

14. Tài sản**Bảng 22- Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 30/09/2015***Đơn vị: đồng*

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	76.598.225.041	55.552.855.675	21.045.369.366
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	20.015.553.830	14.405.237.811	5.610.316.019
Máy móc thiết bị	48.889.536.039	35.441.524.600	13.448.011.439
Phương tiện vận tải	6.977.393.735	4.990.351.827	1.987.041.908
Thiết bị, dụng cụ quản lý	715.741.437	715.741.437	-
TSCĐ khác	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	4.337.600.000	-	4.337.600.000

Quyền sử dụng đất	4.337.600.000	-	4.337.600.000
Phần mềm tin học	-	-	-
TSCĐ vô hình khác	-	-	-
Tổng cộng	80.935.825.041	55.552.855.675	25.382.969.366

(Nguồn: Báo cáo tài chính Quý III/2015))

Tổng diện tích đất đai 88.065 m²

Bảng 23- Tình hình đất đai của Công ty tại thời điểm 30/09/2015

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời điểm bắt đầu thuê	Năm	Loại hình
1	Phường Xuân Khanh, TX. Sơn Tây, Hà Nội	88.065 m ²	Do Nhà nước giao sử dụng	1971	

(Nguồn: Công ty cổ phần Khí cụ điện 1)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015**Bảng 24- Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2015***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2015	
	Giá trị	% Tăng giảm so với năm 2014
Doanh thu	280.000	5,60
Lợi nhuận sau thuế	12.480	3,00
Tỷ lệ LNST/ Doanh thu thuần	4,45	(0,11)
Tỷ lệ LNST/ Vốn đầu tư của CSH	27,4	11,66
Cổ tức	20%	0

*(Nguồn: Công ty cổ phần Khí cụ điện 1)***Căn cứ để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2015:**

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên được Công ty xây dựng dựa trên cơ sở đánh giá kết quả kinh doanh của những năm trước và tính toán khả năng sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Với vị thế là một đơn vị hoạt động có kinh nghiệm lâu năm trên thị trường, Công ty hoàn toàn có khả năng thực hiện kế hoạch đề ra bằng những chính sách cụ thể:

- ✚ Đối với lĩnh vực sản xuất thiết bị tiết kiệm điện: đây là hướng phát triển tuy không mới nhưng trong giai đoạn tới tiếp tục được đầu tư phát triển. Hiện tại trong nước nguồn cung cấp các thiết bị điện như bóng đèn tiết kiệm điện... tuy nhiên các thiết bị đồng bộ đi kèm như ballast, đui đèn... vẫn phải dùng hàng nhập khẩu hoặc thiết bị không phù hợp dẫn tới làm giảm tuổi thọ của các thiết bị.
- ✚ Đối với lĩnh vực sản xuất dây và cáp điện: Khi dây chuyển sản xuất dây và cáp điện đi vào hoạt động ổn định, Công ty có khả năng cung cấp cho thị trường một lượng lớn mặt hàng này, đạt mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng đáng kể doanh thu.

- ✚ Đối với các mặt hàng dân dụng và công nghiệp truyền thống các sản phẩm này là nguồn chủ yếu tạo doanh thu cho Công ty. Đây là thế mạnh truyền thống trong hoạt động sản xuất, lượng hàng Công ty sản xuất tới đâu tiêu thụ tới đó. Do vậy với kỳ vọng nâng cao sản lượng do đầu tư một số máy móc thiết bị mới, doanh thu mảng hoạt động này có khả năng tăng trưởng cao.
- ✚ Cắt giảm mọi khoản đầu tư không cần thiết. Giảm mọi chi phí có thể giảm được, trừ chi phí cho người lao động.
- ✚ Cố gắng khai thác thêm thị trường mới để làm gia tăng doanh số bán hàng.

16. *Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận cổ tức*

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Khí cụ Điện 1. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi như kế hoạch, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

17. *Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức*

Theo quy định Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11, “Công ty đại chúng đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng phải cam kết đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường có tổ chức trong thời hạn một năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua”. Công ty đã cam kết đưa cổ phiếu vào thị trường có tổ chức trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, đồng thời có trách nhiệm báo cáo lại về vấn đề này trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 theo nghị quyết HĐQT số 756 ngày 30/10/2015.

18. *Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký chào bán*

Công ty đã cam kết đưa cổ phiếu vào thị trường có tổ chức trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, đồng thời có trách nhiệm báo cáo lại về vấn đề này trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

19. *Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán*

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Cổ phiếu chào bán ra công chúng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên

1.1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

1.2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu phát hành là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)

1.3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành: 1.160.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 1.000.000 cổ phần

Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu

- Phát hành theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 160.000 cổ phần

Đối tượng phát hành: cán bộ công nhân viên trong danh sách lựa chọn

1.4. Phương pháp tính giá

Giá phát hành dự kiến: 12.000 đồng/ cổ phiếu (Mười hai nghìn đồng cho 1 cổ phiếu).

Phương pháp tính giá: Công ty áp dụng phương pháp chiết khấu dòng cổ tức DDM.

Giả định mức cổ tức trả cho cổ đông trong năm 2014 và đều đặn trong các năm tiếp theo là 2.000 đồng/cổ phần.

Tỷ lệ chiết khấu = lãi suất phi rủi ro + mức bù rủi ro = 14%

$$P = \frac{DIV}{r}$$

$$P = \frac{\text{Cổ tức trên mỗi CP}}{\text{Tỷ lệ chiết khấu}} = \frac{2.000}{14\%} = \frac{14.286}{\text{đồng/CP}}$$

Giá cổ phiếu của Công ty sau phát hành sẽ chịu tác động của việc phát hành thêm 34,1176% cổ phiếu mới so với vốn điều lệ hiện tại dẫn đến sự pha loãng của cổ phiếu, mặt khác thị trường chứng khoán hiện tại chưa phục hồi và bị nhiều yếu tố vĩ mô tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư. Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo sự thành công cho đợt phát hành cũng như để tạo giá trị thặng dư cho cổ đông, tại cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường Công ty ngày 23/09/2015, Đại hội đã nhất trí thông qua mức giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 12.000 đồng/cổ phiếu.

1.5. Phương thức phân phối

Sau khi nhận được Quyết định chấp thuận phương án phát hành của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cho cán bộ nhân viên. Tại ngày chốt danh sách cổ đông, mỗi cổ đông sở hữu 34 (ba mươi tư) cổ phiếu sẽ được quyền mua 10 cổ phiếu mới.

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên có tên trong danh sách mua cổ phần

Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông đồng thời công bố thông tin về đợt phát hành trực tiếp tới các cổ đông và cán bộ nhân viên trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau ngày chốt danh sách cổ đông, Công ty phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần cho các cổ đông và cán bộ nhân viên.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định. Thời gian dự kiến phân phối là trong quý IV/2015.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, Công ty lập báo cáo thực hiện quyền mua chứng khoán và danh sách cổ đông thực hiện quyền 01 ngày sau khi kết thúc thời hạn thực hiện quyền.

Các cổ đông và cán bộ nhân viên nộp tiền mua chứng khoán vào tài khoản phong tỏa của Công ty.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 xác nhận việc phân phối chứng khoán, hoàn tất việc thu tiền bán chứng khoán và thực hiện hạch toán sổ chứng khoán phát hành trên danh sách cổ đông thực hiện quyền.

Bước 5: Thông báo kết quả đợt phát hành

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Công ty tiến hành báo cáo kết quả tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1.6. Thời gian phát hành cổ phiếu

Dự kiến Quý IV/2015, chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

1.7. Đăng ký mua cổ phiếu

Dự kiến Quý IV/ 2015, chi tiết trên *Thông báo phát hành ra công chúng* sau khi có quyết định chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 20 ngày.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, thời hạn và cách thức trả lại tiền mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Công ty không có quy định, cổ đông đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu theo năng lực tài chính thực tế.

2. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

Hiện nay, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1 không có giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và chưa có bất kỳ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nào của Công ty quyết định tỷ lệ cổ phần tối đa nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tại Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1 không có nhà đầu tư nước ngoài trong cơ cấu cổ đông của Công ty.

3. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Số lượng cổ phiếu phát hành cho CBCNV theo chương trình lựa chọn bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm, kể từ thời điểm phát hành.
- Số lượng cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu được phân phối cho đối tượng sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm, kể từ thời điểm phát hành.

4. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm các loại:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (22%)
- Thuế Giá trị gia tăng tùy từng mặt hàng cụ thể chịu thuế suất thuế GTGT là 5% hoặc 10%

5. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Ngân hàng TMCP Quân Đội- Phòng Giao dịch Sơn Tây – Sở Giao dịch Hà Nội
Số tài khoản (VND): 8301186686868

VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH**1. Mục đích phát hành**

Căn cứ để xây dựng phương án phát hành của công ty trong thời gian tới là nhằm các mục tiêu chính sau:

- ✚ Tái cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng tối ưu hóa chi phí và rủi ro là thấp nhất;
- ✚ Tạo động lực làm việc, sự gắn bó, cống hiến lâu dài với Công ty của những cán bộ nhân viên có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Công ty;
- ✚ Tăng cường sự hòa đồng lợi ích của cán bộ nhân viên với lợi ích cổ đông, cán bộ nhân viên được hưởng thành quả từ chính nỗ lực làm việc của mình với tư cách cổ đông, qua đó tối đa hóa giá trị cổ phiếu của Công ty;
- ✚ Là tiền đề cho sự thu hút nhân tài của Công ty.

2. Phương án khả thi

Vốn điều lệ huy động được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung vốn đầu tư mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh với giá trị 13.920.000.000 đồng.

Thông tin về một số máy móc tiêu biểu Công ty dự kiến đầu tư như sau:

2.1. Máy ép nhựa cứng Shine Well S W300BB:

Nước sản xuất: Đài Loan

STT	Nội dung	Đơn vị	Thông số
1	Đường kính trục vít	mm	60
2	Áp suất phun	Kg/cm ²	1711

3	Thể tích lượng phun	Cm ³	848
4	Trọng lượng phun	gram	1024
5	Tốc độ phun	mm/giây	78
8	Hành trình phun	mm	320
9	Lực kẹp	Tấn	300
10	Hành trình mở khuôn	M m	570
11	Kích thước tấm gá khuôn	mm	850x850
12	Chiều cao khuôn	mm	200 - 670
13	Động cơ bơm	HP	40
14	Kích thước máy	m	6,5x1,6x1,9
15	Dung tích bể chứa dầu	lít	740
16	Trọng lượng máy	Tấn	10,6

2.2. Máy điện cực dây CNC JS EDM

Nước sản xuất: Đài Loan

STT	Nội dung	Đơn vị	Thông số
1	Đường kính thùng làm việc	mm	950x725 x525
2	Kích thước lớn nhất của phôi	mm	940x525 x300
3	Trọng lượng phôi lớn nhất	Kg	800
4	Kích thước bàn máy	mm	783x507
5	Hành trình trục X,Y,Z	mm	500x300 x300
8	Hành trình trục U, V	mm	100x100

9	Tốc độ lớn nhất của bàn làm việc	Mm/phút	800
10	Đường kính dây cắt	M m	Ø0,1 ~0,3
11	Tốc độ cắt lớn nhất	Mm ² /phút	180
12	Độ bóng bề mặt	µm/20mm mm	Ra 0,21
13	Góc côn lớn nhất		- ±15
14	Trọng lượng máy	kg	3200

2.3 Máy dập (hơi) liên tục AMADA 25 tấn

Nước sản xuất: Nhật Bản

STT	Nội dung	Đơn vị	Thông số
1	Lực dập	Tấn	25
2	Tốc độ dập tối đa	Nhát/phút	350
3	Bàn máy	M m	300x600
4	Hành trình dập	mm	50
5	Chiều dài cấp phôi lớn nhất	mm	100

2.4 Máy dập (hơi) liên tục DOBBY 20 tấn

Nước sản xuất: Nhật Bản

STT	Nội dung	Đơn vị	Thông số
1	Tốc độ dập tối đa	Nhát/phút	300
2	Bàn máy	M m	300x600
3	Hành trình dập	mm	50

4	Chiều dài cấp phôi lớn nhất	mm	50
---	-----------------------------	----	----

2.5 Máy dập (hơi) liên tục AMADA 45 tấn

Nước sản xuất: Nhật Bản

STT	Nội dung	Đơn vị	Thông số
1	Lực dập	Tấn	45
2	Hành trình dập	Mm	101.6
3	Kích thước bản gá trên	Mm	280x330
4	Kích thước bàn gá dưới	Mm	455x713
5	Công suất động cơ	KW	3,7
6	Kích thước máy	M	1800x1200x3000
7	Tốc độ dập tối đa	Nhất/phút	300

2.6 Máy bao gói màng co

Nước sản xuất: Trung Quốc

STT	Nội dung	Đơn vị	Thông số
1	Kích thước máy	mm	L1849W887 x1H643
2	Tốc độ băng tải 2 cấp	m/phút	Chậm: 20, nhanh: 21,3
3	Công suất máy	KW	11,2
4	Điện áp		1 pha 220V
5	Kích thước bao gói tối đa	mm	L500xW450 xH120

2.7 Cơ cấu dập, ta-rô tự động

Nước sản xuất: Trung Quốc

- Taro các lỗ ren M3, M4
- Tốc độ taro trung bình: 70 chi tiết / phút
- Tuổi thọ mũi tarô: 10.000 chi tiết

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH**1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành**

Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là **13.920.000.000** đồng sẽ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015, 2016 như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian đầu tư dự kiến
1	Bổ sung vốn lưu động	4,6	Ngay sau khi phát hành (Năm 2015)
2	Đầu tư trang thiết bị và xây dựng cơ bản, gồm: - 2 máy ép nhựa cứng - 1 máy điện cực dây CNC - Các máy bao gói sản phẩm, - 1 máy dập tự động - Cơ cấu dập, ta-rô tự động - Cải tạo nhà xưởng chính	9,32 3,50 1,82 0,45 0,30 0,25 3,00	Năm 2016
Tổng		13,92	

2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ vốn

Vốn huy động qua đợt phát hành tùy thuộc vào biến động của thị trường, do vậy, trong trường hợp không thu đủ số tiền dự kiến phát hành, Công ty sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng số tiền thực tế huy động được. Ngoài ra, để chủ động về vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trong trường hợp số vốn huy động được không đủ so với dự kiến, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn vay Ngân hàng để đảm bảo đáp ứng được nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu không chào bán hết phát sinh từ việc phân phối cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và số cổ phiếu không chào bán hết cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động

- Xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu:

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 23/09/2015, số cổ phiếu không chào bán hết sẽ uỷ quyền cho Hội đồng quản trị xử lý. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, số cổ phần không bán hết sẽ được phân phối cho các nhà đầu tư theo tiêu chí lựa chọn như sau:

1. Các cổ đông hiện hữu là cán bộ nhân viên trong công ty, tin tưởng và gắn kết lâu dài với công ty.

2. Các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân là bạn hàng, liên doanh liên kết hoạt động kinh doanh với công ty.

- Đối với các nhà đầu tư là cổ đông hiện hữu được đăng ký mua với giá mua là 12.000 đồng/CP.

- Đối với các nhà đầu tư là tổ chức và cá nhân còn lại được mua với giá thoả thuận, trên nguyên tắc không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và giá sổ sách tại thời điểm chào bán.

- Xử lý cổ phiếu không chào bán hết cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn:

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 756/NQ-HĐQT ngày 20/10/2015, số cổ phiếu không chào bán hết cho cán bộ công nhân viên sẽ bị hủy coi như không phát hành.

.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AAS C)

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3824 1990

Fax: 04. 3825 3973

Email: aaschn@hn.vnn.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7737 070/ 2717 171

Fax: 04.7739 058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 45 Võ Thị Sáu - Quận 1

Điện thoại: 08.2852 525

Fax: 08.9255 246

IX. PHỤ LỤC

1. *Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*

2. *Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty*

3. *Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014, Báo cáo tài chính quý II/2015*

4. *Phụ lục V: Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGĐ, BKS*

Sơn Tây, ngày 30 tháng 12 năm 2015

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH - CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN 1

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TỔNG GIÁM ĐỐC



Phùng Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Dương
Hà Thị DươngTrưởng
Thị Thu Cúc

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Hạnh